

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HSST
Ngày: 24/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Di

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2018/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo:

Họ và tên: Bế Lâm P; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 09/9/1995 tại huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng; hộ khẩu thường trú: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; con ông: Bế Lâm C, sinh năm 1973, hiện đang chấp hành án tại trại giam P, tỉnh Thái Nguyên; con bà: Nông Thị A (đã chết); anh, chị, em ruột: bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị bắt ngày 20/10/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Tăng Thị Thùy D - sinh ngày: 13/5/2003;

Trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

Đại diện theo pháp luật của bị hại: Đoàn Thị H

Trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Triệu Duy Q

Trú tại: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

2. Nông Thanh B

Trú tại: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

3. Lâm Văn C

Trú tại: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

Người làm chứng: Hoàng Thị Phương T

Trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt tại phiên tòa).

Đại diện theo pháp luật của người làm chứng: Nông Thị H

Trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/10/2018 Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nhận được đơn trình báo của Tăng Thị Thùy D (sinh năm 2003; trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) về việc khoảng 20 giờ 35 phút ngày 20/10/2018, Hoàng Thị Phương T (sinh năm 2003; trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) điều khiển xe máy điện chở theo sau Tăng Thị Thùy D đi từ đường N theo hướng về chợ X, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi đến đoạn đường H gần cầu treo thuộc tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì bất ngờ bị một thanh niên mặc đồ tối, đội mũ bảo hiểm che mặt giật chiếc điện thoại D đang cầm trên tay trái.

Sau khi nhận được đơn trình báo, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành điều tra xác minh và xác định được đối tượng thực hiện vụ cướp giật tài sản trên là Bé Lâm P (sinh năm 1995; trú tại: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng). Tại Cơ quan điều tra, Bé Lâm P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20/10/2018 Bé Lâm P một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Wolf 125, màu đen, biển kiểm soát 11T1 - 073S đi xung quanh thành phố C. Đến khoảng 20 giờ, khi đi qua đoạn đường H thuộc tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; P vượt qua xe máy điện do Hoàng Thị Phương T điều khiển chở theo sau là Tăng Thị Thùy D. P nhìn thấy trên tay trái D đang cầm 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu đen đang bật sáng nên nảy sinh ý định giật chiếc điện thoại trên. P điều khiển xe đi chậm lại ở giữa đường để xe của T và D vượt lên bên phải theo hướng đi. Khi hai xe đi song song, P dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại trên tay D rồi tăng

tốc bỏ chạy qua cầu treo sang phường N đi về hướng đường S. Khi qua cây xăng số M thuộc phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì chiếc điện thoại P vừa giật được có chuông nên P dừng xe tháo ốp và sim điện thoại ra ném ở bờ đường rồi đi đến nhà của Triệu Duy Q (sinh năm 1987; trú tại: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) rủ Q cùng đi bán chiếc điện thoại. P và Q đem chiếc điện thoại đến bán ở cửa hàng mua bán điện thoại của Nông Thanh B (sinh năm 1986; trú tại: tổ N, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng).

Do nghi ngờ nguồn gốc chiếc điện thoại nên B không đồng ý mua. Vì có quen biết với Q và điện thoại không mở được mật khẩu nên Q nhờ B mở mật khẩu và mượn số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) với B và hẹn 03 (ba) ngày sau sẽ đến lấy điện thoại và trả lại tiền. Sau khi lấy được số tiền trên, P cho Q 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và đưa thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để Q đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Khi sử dụng ma túy xong, P định đi về nhà ở huyện T nhưng đi đến khu vực đường tròn kmN thuộc phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì đèn chiếu sáng, xe máy không sáng nên P rẽ vào nhà nghỉ gần đó để nghỉ nhưng chưa kịp lấy phòng thì bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bắt giữ.

Ngày 26/10/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã ban hành yêu cầu định giá tài sản số 174 đối với vật chứng vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-TCKH ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cao Bằng kết luận: 01 điện thoại di động OPPO F5, màu đen, mua và sử dụng từ tháng 5/2018 có giá trị là 5.389.200 đồng (*năm triệu ba trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng*); 02 sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone có giá trị là 50.000 đồng (*năm mươi nghìn đồng*); 01 ốp điện thoại di động OPPO F5, màu trắng, mua và sử dụng từ tháng 5/2018 có giá trị là 28.000 đồng (*hai mươi tám nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản là: 5.467.200 đồng (*năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 98/CT-VKSTP ngày 29/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Bé Lâm P về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bổ sung cáo trạng truy tố đối với bị cáo thêm tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Bé Lâm P thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì về tình tiết định khung đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bổ sung đối với bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo nhất trí, không có ý kiến hay khiếu nại với bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-TCKH ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cao Bằng.

Bị cáo thừa nhận do không có tiền chi tiêu cho bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Chiếc điện thoại bị cáo thực hiện hành vi cướp giật đối với bị hại đã được trả lại và bị cáo không có ý kiến gì. Đối với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) bị cáo đã tác động đến gia đình để gia đình

trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thanh B. Đối với tài sản bị thu giữ gồm chiếc điện thoại di động; mũ bảo hiểm; giấy chứng minh thư nhân dân và giấy phép lái xe bị cáo đề nghị được trả lại. Số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo đưa cho Q do Q đã đi cùng bị cáo mang điện thoại đến bán tại cửa hàng điện thoại của ông Nông Thanh B. Q không biết về nguồn gốc của chiếc điện thoại do đâu mà có và bị cáo không yêu cầu Q trả lại số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) này. Còn đối với số tiền 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi nghìn đồng) bị cáo không có yêu cầu được trả lại.

Lời khai của bị hại Tăng Thị Thùy D tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Tăng Thị Thùy D và người đại diện theo pháp luật của bị hại đều vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự bị hại xác nhận đã nhận lại chiếc điện thoại di động OPPO F5, màu đen và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đối với 02 sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone và 01 ốp điện thoại di động OPPO F5, màu trắng không thu hồi được, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại đều đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Duy Q tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Duy Q vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q trình bày ông không biết nguồn gốc chiếc điện thoại mà ông cùng P mang đến cửa hàng của Nông Thanh B là do P phạm tội mà có. Số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) bị cáo tự nguyện đưa cho ông và ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thanh B tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thanh B vắng mặt. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như phần ý kiến của ông B tại biên bản giao văn bản của Tòa án đều thể hiện ông B đã nhận lại số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) và không yêu cầu gì thêm.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn C tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn C vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, ông C xác nhận đã nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 (bị hại, đại diện theo pháp luật của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Bé Lâm P phạm tội “Cướp giật tài sản”, xử phạt bị cáo Bé Lâm P từ 04 năm đến 05 năm tù. Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra vấn đề

xem xét. Về vật chứng của vụ án: trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động; 01 mũ bảo hiểm, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe; tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 370.000 đồng (*ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Về án phí, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: tại cơ quan điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung biên bản bắt người bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản; vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: do không có tiền chi tiêu cho bản thân nên khoảng 20 giờ 35 phút ngày 20/10/2018, Bế Lâm P đã có hành vi cướp giật tài sản của Tăng Thị Thùy D. Tài sản mà P cướp giật được gồm 01 chiếc điện thoại di động OPPO F5, màu đen có giá trị là 5.389.200 đồng (*năm triệu ba trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng*); 02 sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone có giá trị là 50.000 đồng (*năm mươi nghìn đồng*); 01 ốp điện thoại di động OPPO F5, màu trắng có giá trị là 28.000 đồng (*hai mươi tám nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản là 5.467.200 đồng (*năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng*).

Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã nhanh chóng giật lấy tài sản một cách công khai rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản cũng như tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý hoang mang, lo ngại trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Mục đích của bị cáo khi thực hiện hành vi cướp giật là lấy tài sản mang đi bán có tiền tiêu

xả cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Khi cướp giật tài sản của bị hại Tăng Thị Thùy D vào ngày 20/10/2018, bị cáo đã sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi trong khi bị hại đang di chuyển trên xe đạp điện gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và người khác. Bị hại Tăng Thị Thùy D mà bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản là người dưới 16 tuổi nên hành vi của bị cáo đã vi phạm vào điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” và điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ Luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 171 Bộ Luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) ...;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

...”

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là người nghiện ma túy, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả đối với số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*); trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bị hại cũng như người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt chính: căn cứ vào nhân thân của bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Mức đề nghị hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù

của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp, cần được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) đến 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản bị cáo thực hiện hành vi cướp giật là chiếc điện thoại di động OPPO F5, màu đen đã được thu hồi và trả lại cho bị hại Tăng Thị Thùy D theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/11/2018. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với 02 sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone và 01 ốp điện thoại di động OPPO F5, màu trắng không thu hồi được, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét về trách nhiệm bồi thường.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thanh B đã nhận lại theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/11/2018 và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét về trách nhiệm bồi thường.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Wolf 125, màu đen, biển kiểm soát 11T1-073S đã được trả lại cho ông Lâm Văn C theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/11/2018. Ông C không có yêu cầu gì thêm. Việc trả lại tài sản cho ông C của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 19/11/2018 là có căn cứ pháp luật.

- Đối với các tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A256 màu đen; chiếc mũ bảo hiểm nhãn hiệu Andes Helmet; giấy chứng minh thư nhân dân số 085028685 và giấy phép lái xe số 240148001303 đều mang tên Bé Lâm P cần trả lại cho bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với số tiền 370.000 đồng (*ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) là số tiền bị cáo còn lại sau khi tiêu sài số tiền lấy được từ Nông Thanh B. Tại phiên tòa, đối với số tiền này đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước và bị cáo không có yêu cầu trả lại. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này mặc dù là số tiền bị cáo có được do bán tài sản phạm tội mà có, tuy nhiên chiếc điện thoại bị cáo cướp giật được đã thu hồi và trả lại cho bị hại; gia đình bị cáo đã bồi thường lại cho chủ cửa hàng điện thoại là Nông Thanh B số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Việc bồi thường này là tự nguyện và gia đình bị cáo không có ý kiến gì. Do vậy, không cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 370.000 đồng (*ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) mà trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Về những vấn đề khác:

- Đối với Triệu Duy Q là người đã cùng bị cáo P mang chiếc điện thoại cướp giật được đến bán tại cửa hàng của ông Nông Thanh B. Q không biết chiếc điện thoại bị cáo P nhờ mang đi bán là tài sản bị cáo có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với Triệu Duy Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) bị cáo P đưa cho Q sau khi bán chiếc điện thoại di động OPPO F5. Tại cơ quan điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, Q đều xác nhận số tiền này bị cáo P tự nguyện cho bị cáo và Q không biết nguồn gốc chiếc điện thoại là do P phạm tội mà có. Bên cạnh đó, tại phiên tòa bị cáo cũng xác nhận bị cáo không nói cho Q biết về nguồn gốc chiếc điện thoại; việc bị cáo đưa cho Q 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) là do Q đã đi cùng bị cáo đi bán điện thoại và bị cáo không yêu cầu Q phải trả lại số tiền này. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét đối với số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) mà Q đã nhận từ bị cáo P.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Bé Lâm P phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

Căn cứ: điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Bé Lâm P 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 20/10/2018.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử:

Trả lại cho bị cáo Bé Lâm P các tài sản:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A256 màu đen đã cũ số Imei: 911416453481844.

- 01 (một) mũ bảo hiểm nhãn hiệu Andes Helmet màu xám, vàng, đỏ loại chòm kín cầm đã cũ.

- 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân số 085028685; 01 (một) giấy phép lái xe số: 240148001303 tất cả đều mang tên Bé Lâm P được niêm phong trong phong bì;

- Số tiền 370.000đ VNĐ (ba trăm bảy mươi nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì nhưng cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang nằm tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/11/2018.

3. Về án phí: áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Bế Lâm P phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người đại diện theo pháp luật của bị hại (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai